TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 706/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2024
Về việc "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Ông Nguyễn Tấn Quang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Út Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 323/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 621/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 329/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm: 1987; Địa chỉ: B B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1990; Địa chỉ: B B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/4/2024, bản tự khai ngày 13/5/2024 và biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc D (bà D) và ông Nguyễn Ngọc B (ông B) tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/2013 ngày 23 tháng 8 năm 2013. Thời gian đầu cả hai sống hạnh phúc nhưng sau đó dần phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Từ năm 2022 đến nay, ông B không quan tâm chăm sóc vợ con, không đóng góp kinh tế gia đình. Bà đã cố gắng hòa giải để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông B không

thay đổi, thường xuyên bỏ nhà đi. Nay bà D nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D đề nghị ly hôn với ông B để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà D khai bà và ông B có với nhau 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/8/2014 và Nguyễn Hoàng Khánh N, sinh ngày 30/5/2019. Ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D khai không có tài sản chung với ông B.

Về nợ chung: Bà D khai không có nợ chung với ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai về quan hệ tranh chấp ly hôn, Thông báo mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B không đến Tòa để trình bày ý kiến.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, Tòa án đã tống đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 621/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 nhưng ông B vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu theo đơn khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa và tống đạt các quyết định theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc thực hiện thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Ngọc D có Đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Nguyễn Ngọc B, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc B có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Trong quá trình xét xử vụ án: Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm và Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 23 tháng 8 năm 2024, bà D có mặt, ông B vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tạo điều kiện để ông B trình bày ý kiến nên quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quyết định xét xử lại vụ án lần tiếp theo vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 11 tháng 9 năm 2024. Tại phiên tòa hôm nay, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án trên theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc D và ông Nguyễn Ngọc B có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định ngày 23 tháng 8 năm 2013. Nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc D và ông Nguyễn Ngọc B là hợp pháp, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc D: Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai của bà Trần Thị Ngọc D ngày 13 ngày 5 năm 2024 thì mâu thuẫn giữa bà D và ông B kéo dài nhiều năm, đời sống hôn nhân không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn. Bà D xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được ly hôn với ông B để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 323/2023/TB-TLVA ngày 08 tháng 5 năm 2024, Giấy triệu tập đương sự để bị đơn là ông B đến Tòa trình bày ý kiến nhưng ông B không đến. Ngày 06 tháng 8 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để Tòa án tiến hành phiên hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông B không đến và cũng không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Sau phiên họp công khai chứng cứ, bà D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc" nên ngày 07 tháng 8 năm 2024, Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, ông B vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và đưa vụ án ra xét xử lần hai, bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông B tiếp tục vắng mặt không lý do chứng tỏ bà D và ông B không còn thiết tha cuộc sống vợ chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 19, Điều 21 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm

sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình… vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau". Nên giữa bà D và ông B không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: "1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được…". Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà D với ông B là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà D xác nhận bà và ông B có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/8/2014 và Nguyễn Hoàng Khánh N, sinh ngày 30/5/2019. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà D không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà D hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, trẻ Nguyễn Hoàng P cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ, do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung của bà D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Bà D khai không có tài sản chung với ông B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà D khai không có nợ chung với ông B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001708 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, 56, 58, 69, 70, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc B (Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định ngày 23 ngày 8 năm 2013).

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/8/2014 và Nguyễn Hoàng Khánh N, sinh ngày 30/5/2019 cho bà Trần Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Ngọc B do bà Trần Thị Ngọc D không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc D khai không có tài sản chung với ông Nguyễn Ngọc B.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc D khai không có nợ chung với ông Nguyễn Ngọc B.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Ngọc D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001708 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . Hồ Chí Minh;
TÒA
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân x . Vĩnh Tân, tx. Vĩnh Châu, t.Sóc Diệp; (để xóa sổ bộ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Trần Văn Long